

traduction predon vietnamien bản dịch tiếng việt

Document de préparation à l'entretien préalable au don de sang

Tài liệu phỏng vấn trước khi đóng góp

Il vous est demandé de répondre à plusieurs questions au sujet de votre santé, mais aussi de votre mode de vie ou de vos voyages, afin de nous aider à évaluer si vous pouvez donner votre sang. Bạn được yêu cầu trả lời một số câu hỏi về sức khỏe của bạn, nhưng cũng về lối sống hoặc chuyến đi của bạn, để giúp chúng tôi đánh giá xem bạn có thể hiến máu hay không.

Chacune des questions posées est importante, pour votre propre santé et pour celle des personnes qui recevront votre sang. La sécurité des malades dépend de l'exactitude de vos réponses et cet impératif de sécurité explique que certains critères conduisent à la contre-indication au don. Mỗi câu hỏi được hỏi là quan trọng đối với sức khỏe của chính bạn và cho những người sẽ nhận được máu của bạn. Sự an toàn của bệnh nhân phụ thuộc vào độ chính xác của câu trả lời của bạn và yêu cầu bảo mật này giải thích rằng các tiêu chí nhất định dẫn đến chống chỉ định đối với quà tặng.

Prenez tout le temps nécessaire pour lire et remplir ce questionnaire dans sa totalité, et répondez sincèrement aux questions. Les réponses aux questions posées dans ce questionnaire sont obligatoires. Dành toàn bộ thời gian cần thiết để đọc và hoàn thành toàn bộ bảng câu hỏi này và trả lời các câu hỏi một cách chân thành. Các câu trả lời cho các câu hỏi trong câu hỏi này là bắt buộc. Si vous n'êtes pas certain(e) des réponses à apporter, cocher la case « Je ne sais pas » pour que la question soit précisément abordée lors de l'entretien préalable au don. Nếu bạn không chắc chắn phải làm gì, hãy đánh dấu vào ô "Tôi không biết" để câu hỏi được giải quyết cụ thể trong cuộc phỏng vấn trước khi đóng góp.

Après l'avoir complété, vous remettrez ce questionnaire au médecin ou à l'infirmier(e) qui vous recevra. Il (elle) vous posera des questions complémentaires et répondra à vos interrogations.

Sau khi hoàn thành nó, bạn sẽ đưa bảng câu hỏi này cho bác sĩ hoặc y tá, người sẽ tiếp nhận bạn. Anh ấy (cô ấy) sẽ hỏi bạn thêm câu hỏi và trả lời câu hỏi của bạn.

À l'issue de cet entretien predon, vous signerez un document intitulé « fiche de prélèvement » qui est conservé comme attestant de votre consentement au prélèvement et de la sincérité de vos réponses. Les informations recueillies sont confidentielles et soumises au secret médical. Quant au questionnaire, il sera détruit après votre don.

Vào cuối cuộc phỏng vấn trước này, bạn sẽ ký một tài liệu có tên "hình thức rút tiền" được lưu giữ làm bằng chứng cho sự đồng ý của bạn đối với việc thực hiện và sự chân thành trong câu trả lời của bạn. Các thông tin được thu thập là bí mật và phải được giữ bí mật y tế. Đối với các câu hỏi, nó sẽ bị phá hủy sau khi đóng góp của bạn.

Vous avez la possibilité de renoncer au don avant le début de celui-ci et la possibilité d'interrompre votre don à tout moment sans gêne ni embarras . **Bạn có tùy chọn từ bỏ món quà trước khi bắt đầu món quà và khả năng làm gián đoạn món quà của bạn bất cứ lúc nào mà không bối rối hay bối rối.**

Merci beaucoup de votre participation au don de sang. Cảm ơn bạn rất nhiều vì đã tham gia hiến máu.

N'offrez jamais votre sang dans le but d'obtenir un test de dépistage. Le médecin ou l'infirmier(e) peut vous indiquer où vous adresser pour cela. Không bao giờ cung cấp máu cho mục đích thử nghiệm. Bác sĩ hoặc y tá có thể cho bạn biết nơi để đi cho việc này.

Pourquoi des questions sur votre état de santé ? Pour rechercher à la fois si vous pouvez donner sans danger pour les malades qui recevront votre sang mais aussi pour vous-même. Ainsi, les questions visent à rechercher des maladies et des traitements qui pourraient contre-indiquer le don pour votre sécurité et celle du receveur.

Tại sao câu hỏi về sức khỏe của bạn? Để tìm kiếm cùng một lúc nếu bạn có thể đưa ra mà không gây nguy hiểm cho những bệnh nhân sẽ nhận được máu của bạn mà còn cho chính bạn. Vì vậy, các câu hỏi nhằm tìm kiếm các bệnh và phương pháp điều trị có thể chống chỉ định món quà vì sự an toàn của bạn và của người nhận.

A - ÉTAT DE SANTÉ POUR POUVOIR DONNER DU SANG

TÌNH TRẠNG SỨC KHỎE CHO MÁU

1 Vous sentez-vous en forme pour donner votre sang Oui / Non / Je ne sais pas
Bạn có cảm thấy phù hợp để cho máu của bạn vâng / không / Tôi không biết

2 Avez-vous : **bạn có:**

- **A** consulté un médecin dans les 4 derniers mois ? Oui / Non / Je ne sais pas
hỏi ý kiến bác sĩ trong 4 tháng qua? vâng / không / Tôi không biết
 - **B** réalisé des examens de santé (bilan biologique, radiographies...) dans les 4 derniers mois ? Oui / Non / Je ne sais pas
tiến hành kiểm tra sức khỏe (đánh giá sinh học, chụp X-quang ...) trong 4 tháng qua? vâng / không / Tôi không biết
 - **C** pris des médicaments (même ceux que vous prenez tous les jours) ? Si oui, quand et lesquels ?..... Oui / Non / Je ne sais pas
uống thuốc (ngay cả những người bạn dùng hàng ngày)? Nếu vậy, khi nào và cái nào? vâng / không / Tôi không biết
 - **D** eu une injection de désensibilisation pour allergie dans les 15 derniers jours ? Oui / Non / Je ne sais pas
đã tiêm thuốc giảm mẫn cảm cho dị ứng trong 15 ngày qua? vâng / không / Tôi không biết
-

3 Avez-vous été vacciné(e) : **Bạn đã được tiêm phòng chưa :**

- **A** contre l'hépatite B ?

chống viêm gan B ?

Oui / Non / Je ne sais pas

vâng / không / Tôi không biết

- **B** contre d'autres maladies dans le dernier mois ?

Chống các bệnh khác trong tháng vừa qua?

Oui / Non / Je ne sais pas

vâng / không / Tôi không biết

- **C** contre le tétanos dans 2 dernières années (rappel) ?

chống uốn ván trong 2 năm qua (nhớ lại)?

Oui / Non / Je ne sais pas

vâng / không / Tôi không biết

4 Avez-vous eu récemment des saignements (du nez, des hémorroïdes, des règles abondantes) ?

Oui / Non / Je ne sais pas

Gần đây bạn có bị chảy máu (mũi, trĩ, thời kỳ nặng)?

vâng / không / Tôi không biết

5 Avez-vous ressenti dans les jours ou semaines qui précèdent une douleur thoracique ou un essoufflement anormal à la suite d'un effort ?

Bạn có cảm thấy trong những ngày hoặc vài tuần trước khi đau ngực hoặc khó thở bất thường sau khi tập thể dục?

Oui / Non / Je ne sais pas

vâng / không / Tôi không biết

6 Avez-vous été traité(e) dans les 2 dernières années pour un psoriasis important ?

Oui / Non / Je ne sais pas

Bạn đã được điều trị trong 2 năm qua cho bệnh vẩy nến nặng?

vâng / không / Tôi không biết

7 Avez-vous une maladie qui nécessite un suivi médical régulier ? Si oui, laquelle ?

Oui / Non / Je ne sais pas

Bạn có bị bệnh cần theo dõi y tế thường xuyên không? Nếu có, cái nào?

vâng / không / Tôi không biết

8 Avez-vous prévu une activité avec efforts physiques (sportive ou professionnelle) juste après votre don ? **Bạn đã lên kế hoạch cho một hoạt động với những nỗ lực thể chất (thể thao hoặc chuyên nghiệp) ngay sau khi đóng góp của bạn?**

Si oui, laquelle :

Oui / Non / Je ne sais pas

Nếu có, cái nào?:

vâng / không / Tôi không biết

Au cours de votre vie Trong cuộc sống của bạn

9 Avez-vous déjà consulté un cardiologue ? Si oui pourquoi ?

Oui / Non / Je ne sais pas

Bạn đã bao giờ tham khảo ý kiến bác sĩ tim mạch? Nếu vậy, tại sao?

vâng / không / Tôi không biết

10 Avez-vous déjà été opéré(e) ou hospitalisé(e) ?

Oui / Non / Je ne sais pas

Bạn đã bao giờ được phẫu thuật hoặc nhập viện?

vâng / không / Tôi không biết

11 Avez-vous eu de l'asthme, une réaction allergique importante, notamment lors d'un soin médical ?

Oui / Non / Je ne sais pas

Bạn đã bị hen suyễn, một phản ứng dị ứng nghiêm trọng, đặc biệt là trong khi điều trị y tế?

vâng / không / Tôi không biết

12 Avez-vous une maladie de la coagulation du sang ?

Oui / Non / Je ne sais pas

Bạn có bị đông máu không?

vâng / không / Tôi không biết

13 Avez-vous eu une anémie, un manque de globules rouges, un traitement pour compenser un manque de fer ?

Oui / Non / Je ne sais pas

Bạn đã bị thiếu máu, thiếu hồng cầu, điều trị để bù đắp thiếu sắt?

vâng / không / Tôi không biết

14 Avez-vous eu un diagnostic de cancer (y compris mélanome, leucémie, lymphome...)?

Oui / Non / Je ne sais pas

Bạn đã có chẩn đoán ung thư (bao gồm u ác tính, bệnh bạch cầu, ung thư hạch...)?

vâng / không / Tôi không biết

15 Avez-vous eu un accident vasculaire cérébral, un accident ischémique transitoire, des crises d'épilepsie, des convulsions (en dehors de l'enfance), des syncopes répétées ?

Oui / Non / Je ne sais pas

Bạn đã bị đột quỵ, cơn thiếu máu não thoáng qua, động kinh, co giật (bên ngoài thời thơ ấu), ngất lặp đi lặp lại?

vâng / không / Tôi không biết

Pour les femmes **Dành cho nữ**

16 Êtes-vous actuellement enceinte ou l'avez-vous été dans les 6 derniers mois ? Précisez le nombre de grossesses que vous avez eues au cours de votre vie :

Oui / Non / Je ne sais pas

Bạn đang mang thai hoặc bạn đã mang thai trong 6 tháng qua? Cho biết bạn đã có bao nhiêu lần mang thai trong suốt cuộc đời : ...

vâng / không / Tôi không biết

Pourquoi des questions sur les voyages ? Pour rechercher si vous pourriez être porteur d'une maladie transmissible par le sang acquise lors d'un séjour dans un pays (ou territoire) dans lequel la maladie est présente. Les questions suivantes visent à rechercher des maladies pouvant passer inaperçues chez vous (infection par les virus West Nile, dengue, chikungunya...) ou être silencieuses pendant plusieurs mois ou années après le retour du séjour (paludisme, maladie de Chagas...), alors qu'elles peuvent se transmettre par le sang et conduire à des infections graves chez certains malades. Un délai peut être nécessaire avant de donner son sang afin d'empêcher la transmission de ces maladies au receveur. **Tại sao câu hỏi về du lịch? Để tìm hiểu xem bạn có thể mang bệnh truyền qua đường máu mắc phải khi sống ở một quốc gia (hoặc lãnh thổ) nơi có bệnh. Các câu hỏi sau đây nhằm tìm kiếm các bệnh có thể không được chú ý tại nhà (nhiễm vi rút West Nile, sốt xuất huyết, chikungunya ...) hoặc im lặng trong vài tháng hoặc nhiều năm sau khi trở về (bệnh sốt rét, bệnh Chagas ...), trong khi chúng có thể được truyền qua máu và dẫn đến nhiễm trùng nghiêm trọng ở một số bệnh nhân. Một sự chậm trễ có thể là cần thiết trước khi cho máu để ngăn ngừa truyền các bệnh này cho người nhận.**

B - RISQUES LIÉS AUX VOYAGES RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN DU LỊCH

17 Avez-vous voyagé au moins une fois dans votre vie hors du continent européen ? Si oui, précisez : Amérique du Nord, Amérique Centrale ou du Sud, Asie, Afrique, Océanie

Oui / Non / Je ne sais pas

Bạn đã đi du lịch ít nhất một lần trong đời ngoài lục địa châu Âu chưa? Nếu có, vui lòng ghi rõ: Bắc Mỹ, Trung hoặc Nam Mỹ, Châu Á, Châu Phi, Châu Đại Dương

vâng / không / Tôi không biết

18 Si vous avez déjà voyagé, avez-vous séjourné dans les 3 dernières années hors du continent européen (même pour une escale) ? Si oui, précisez le(s) pays :

.....

Oui / Non / Je ne sais pas

Nếu bạn đã từng đi du lịch, bạn đã ở lại 3 năm qua bên ngoài lục địa châu Âu (ngay cả khi dừng chân) chưa? Nếu có, chỉ định quốc gia

vâng / không / Tôi không biết

19 Avez-vous déjà fait une crise de paludisme (malaria) ou une fièvre inexplicable pendant ou après un séjour dans un pays où sévit le paludisme ?

Oui / Non / Je ne sais pas

Bạn đã bao giờ bị sốt rét hoặc sốt không rõ nguyên nhân trong hoặc sau khi ở lại một đất nước bị sốt rét chưa?

vâng / không / Tôi không biết

20 Avez-vous voyagé hors de la France métropolitaine durant le dernier mois (même pour une escale) ?

Si oui, précisez où :

Oui / Non / Je ne sais pas

Bạn đã đi du lịch bên ngoài đô thị Pháp trong tháng trước (ngay cả khi dừng chân)?

Nếu có, chỉ định nơi:

vâng / không / Tôi không biết

21 Avez-vous séjourné (plus d'un an cumulé) au Royaume-Uni entre 1980 et 1996 ?

Oui / Non / Je ne sais pas

Bạn đã ở lại (hơn một năm tích lũy) ở Anh trong khoảng thời gian từ 1980 đến 1996?

vâng / không / Tôi không biết

22 Avez-vous eu un diagnostic de maladie de Chagas ?

Oui / Non / Je ne sais pas

Bạn đã có một chẩn đoán bệnh Chagas?
biết

vâng / không / Tôi không

23 Votre mère est-elle née en Amérique du sud ?

Oui / Non / Je ne sais pas

Có phải mẹ bạn sinh ra ở Nam Mỹ?

vâng / không / Tôi không biết

Pourquoi des questions aussi variées ? Chaque don de sang est systématiquement testé pour rechercher un certain nombre d'agents infectieux connus. Ces questions visent à rechercher si vous avez été infecté par un agent non dépisté sur le don mais transmissible au receveur. **Tại sao câu hỏi khác nhau như vậy? Mỗi lần hiến máu đều được thử nghiệm một cách có hệ thống để tìm kiếm một số tác nhân truyền nhiễm đã biết. Những câu hỏi này được thiết kế để tìm hiểu xem bạn có bị lây nhiễm bởi một tác nhân không được phát hiện trên đóng góp nhưng có thể truyền cho người nhận hay không.**

C - RISQUES D'ÊTRE PORTEUR D'UNE INFECTION TRANSMISSIBLE PAR LE SANG

RỦI RO CỦA NHIỄM TRUYỀN ĐỘNG MÁU

24 Êtes-vous allé(e) chez le dentiste dans les 7 derniers jours ?

Oui / Non / Je ne sais pas

Bạn đã đến nha sĩ trong 7 ngày qua?

vâng / không / Tôi không biết

- 25** Avez-vous eu de la fièvre (> 38 °C), un problème infectieux dans les 15 derniers jours ?
Oui / Non / Je ne sais pas
Bạn có bị sốt (> 38 ° C), một vấn đề truyền nhiễm trong 15 ngày qua?
vâng / không / Tôi không biết
-
- 26** Avez-vous eu une lésion ou une infection de la peau dans les 15 derniers jours ?
Oui / Non / Je ne sais pas
Bạn có bị tổn thương da hoặc nhiễm trùng trong 15 ngày qua không?
vâng / không / Tôi không biết
-
- 27** Avez-vous été en contact avec une personne ayant une maladie contagieuse au cours du dernier mois ? Si oui, quelle maladie ?.....
Oui / Non / Je ne sais pas
Bạn đã tiếp xúc với người mắc bệnh truyền nhiễm trong tháng vừa qua chưa? Nếu có, bệnh gì?
vâng / không / Tôi không biết
-
- 28** Avez-vous fait un tatouage ou un piercing (y compris percement d'oreilles) dans les 4 derniers mois ?
Oui / Non / Je ne sais pas
Bạn đã có một hình xăm hoặc xỏ khuyên (bao gồm cả xỏ lỗ tai) trong 4 tháng qua?
vâng / không / Tôi không biết
-
- 29** Avez-vous été en contact avec du sang humain par piqûre, plaie ou projection dans les 4 derniers mois ?
Oui / Non / Je ne sais pas
Bạn đã tiếp xúc với máu người bằng cách chích, vết thương hoặc chiếu trong 4 tháng qua?
vâng / không / Tôi không biết
-
- 30** Avez-vous été traité(e) par acupuncture, mésothérapie ou pour une sclérose des varices dans les 4 derniers mois ?
Oui / Non / Je ne sais pas
Bạn đã được điều trị bằng châm cứu, mes Liệu pháp hoặc xơ cứng tĩnh mạch trong 4 tháng qua?
vâng / không / Tôi không biết
-
- 31** Avez-vous eu une endoscopie (fibroscopie, gastroscopie, coloscopie...) dans les 4 derniers mois ?
Oui / Non / Je ne sais pas
Bạn đã nội soi (nội soi xơ, nội soi dạ dày, nội soi đại tràng ...) trong 4 tháng qua?
vâng / không / Tôi không biết
-

32 Avez-vous eu plusieurs infections urinaires au cours des 12 derniers mois ?

Oui / Non / Je ne sais pas

Bạn đã có nhiều UTI trong 12 tháng qua?

vâng / không / Tôi không biết

Au cours de votre vie Trong cuộc sống của bạn

33 Avez-vous déjà reçu une transfusion sanguine ou une greffe d'organe ?

Oui / Non / Je ne sais pas

Bạn đã bao giờ được truyền máu hoặc ghép tạng?
biết

vâng / không / Tôi không

34 Avez-vous eu une greffe de cornée ou de dure-mère ?

Oui / Non / Je ne sais pas

Bạn đã được ghép giác mạc hay dura?

vâng / không / Tôi không biết

35 Avez-vous reçu un traitement par hormone de croissance avant 1989 ?

Oui / Non / Je ne sais pas

Bạn đã nhận được điều trị hormone tăng trưởng trước năm 1989?

vâng / không / Tôi không biết

36 Un membre de votre famille a-t-il été atteint d'une maladie de Creutzfeldt-Jakob, maladie de Gertsmann-Sträussler-Scheinker, insomnie fatale familiale ?

Oui / Non / Je ne sais pas

Có ai trong gia đình bạn được chẩn đoán mắc bệnh Creutzfeldt-Jakob, bệnh Gertsmann-Sträussler-Scheinker, mất ngủ gia đình gây tử vong?

vâng / không / Tôi không biết

Pourquoi des questions intimes ? Au travers des questions suivantes, nous cherchons à savoir si vous avez pu contracter le virus du sida (VIH), les virus des hépatites B et C (VHB et VHC) ou le virus HTLV. En effet, même si ces virus sont dépistés systématiquement sur chaque don de sang, et malgré la performance des tests utilisés, il existe une période appelée « fenêtre silencieuse » au début d'une contamination dont la durée est variable selon les virus. Pendant cette période, le test de dépistage reste négatif et ne détecte pas l'infection recherchée. Pourtant, le virus est déjà présent dans le sang et si le don a lieu pendant cette période, l'infection risque d'être transmise au malade lors de la transfusion. Lisez attentivement les questions ci-dessous. Vous pourrez compléter cette partie du questionnaire avec le médecin ou l'infirmier(e) lors de l'entretien prédon.

Tại sao câu hỏi thân mật? Thông qua các câu hỏi sau đây, chúng tôi điều tra xem bạn đã bị nhiễm vi-rút AIDS (HIV), vi-rút viêm gan B và C (HBV và HCV) hay vi-rút HTLV. Thật vậy, ngay cả khi các vi-rút này được kiểm tra định kỳ cho mỗi lần hiến máu và mặc dù hiệu suất của các xét nghiệm được sử dụng, vẫn có một giai đoạn gọi là "cửa sổ im lặng" khi bắt đầu nhiễm bản có thời gian thay đổi theo các vi-rút. Trong giai đoạn này, xét nghiệm sàng lọc vẫn âm tính và không phát hiện nhiễm trùng mong muốn. Tuy nhiên, virus đã có sẵn trong máu và nếu việc hiến tặng diễn ra trong giai đoạn này, nhiễm trùng có thể được truyền đến bệnh nhân trong quá trình truyền máu. Đọc các câu hỏi dưới đây một cách cẩn thận. Bạn sẽ có thể hoàn thành phần câu hỏi này với bác sĩ hoặc y tá trong cuộc phỏng vấn trước khi phục vụ.

D - AUTRES RISQUES D'ÊTRE PORTEUR D'UNE INFECTION TRANSMISSIBLE PAR LE SANG

CÁC RỦI RO KHÁC CỦA NHIỄM MÀU TRUYỀN ĐỘNG MÁU

37 Avez-vous déjà été testé positif pour le VIH (virus du SIDA), pour le VHB (virus de l'hépatite B), pour le VHC (virus de l'hépatite C) ou le virus HTLV ?

Oui / Non / Je ne sais pas

Bạn đã bao giờ xét nghiệm dương tính với HIV (AIDS), HBV (virus viêm gan B), HCV (virus viêm gan C) hoặc HTLV chưa?

vâng / không / Tôi không biết

38 Pensez-vous avoir besoin d'un test de dépistage pour le VIH, le VHB, le VHC ?

Oui / Non / Je ne sais pas

Bạn có nghĩ rằng bạn cần xét nghiệm HIV, HBV, HCV không?

vâng / không / Tôi không biết

39 À votre connaissance, une personne de votre entourage est-elle porteuse de l'hépatite B ?

Oui / Non / Je ne sais pas

Theo hiểu biết của bạn, có ai đó xung quanh bạn bị viêm gan B không?

vâng / không / Tôi không biết

40 Avez-vous déjà utilisé, par voie injectable, des drogues ou des substances dopantes non prescrites par un médecin (même une seule fois) ?

Oui / Non / Je ne sais pas

Bạn đã bao giờ sử dụng, bằng cách tiêm, thuốc hoặc chất doping không theo chỉ định của bác sĩ (thậm chí một lần)?

vâng / không / Tôi không biết

41 Dans les quatre derniers mois, **Trong bốn tháng qua,**

- **A** Avez-vous eu plus d'un (une) partenaire sexuel(le)* ?

Oui / Non / Je ne sais pas

Bạn đã có nhiều hơn một (a) bạn tình *?

vâng / không / Tôi không biết

- **B** À votre connaissance, votre partenaire a-t-il (elle) eu un(e) autre partenaire sexuel ?

Oui / Non / Je ne sais pas

Theo hiểu biết của bạn, đối tác của bạn đã có một đối tác tình dục khác?

vâng / không / Tôi không biết

- **C** Avez-vous eu une infection sexuellement transmissible (infection à Chlamydia ou Gonocoque, Herpès génital, Syphilis par exemple) ?

Oui / Non / Je ne sais pas

Bạn đã bị nhiễm trùng lây qua đường tình dục (nhiễm chlamydia hoặc nhiễm lậu cầu, mụn rộp sinh dục, giang mai chằng hạn)?

vâng / không / Tôi không biết

- **D** À votre connaissance, votre partenaire a-t-il (elle) eu une infection sexuellement transmissible (infection à Chlamydia ou Gonocoque, Herpès génital, Syphilis par exemple) ?

Oui / Non / Je ne sais pas

Theo hiểu biết của bạn, bạn tình của bạn đã bị nhiễm bệnh lây qua đường tình dục (nhiễm Chlamydia hoặc Gonococcus, mụn rộp sinh dục, giang mai chẳng hạn)?
vâng / không / Tôi không biết

42 Avez-vous eu un rapport sexuel en échange d'argent ou de drogue dans les 12 derniers mois ?

Oui / Non / Je ne sais pas

Bạn đã có quan hệ tình dục để đổi lấy tiền hoặc thuốc trong 12 tháng qua?
vâng / không / Tôi không biết

Pour les hommes **Dành cho nam**

- **43A** Avez-vous eu dans les 12 derniers mois, un rapport sexuel avec un autre homme ?

Oui / Non / Je ne sais pas

Bạn đã có quan hệ tình dục trong 12 tháng qua với một người đàn ông khác?
vâng / không / Tôi không biết

- **B** Si vous avez répondu oui à la question précédente, avez-vous eu plus d'un partenaire masculin dans les 4 derniers mois ?

Nếu bạn trả lời có cho câu hỏi trước, bạn đã có nhiều hơn một đối tác nam trong 4 tháng qua chưa?

Oui / Non / Je ne sais pas

vâng / không / Tôi không biết

Pour les femmes **Dành cho nữ**

44 Avez-vous eu, un rapport sexuel avec homme qui, à votre connaissance, a eu un rapport sexuel avec un autre homme dans les 12 derniers mois ?

Oui / Non / Je ne sais pas

Bạn đã có quan hệ tình dục với một người đàn ông, theo hiểu biết của bạn, đã có quan hệ tình dục với người đàn ông khác trong 12 tháng qua?
vâng / không / Tôi không biết

Dans les 12 derniers mois Trong 12 tháng qua

45 Avez-vous eu un rapport sexuel avec un(e) partenaire qui, à votre connaissance : **Bạn đã có quan hệ tình dục với một đối tác, theo hiểu biết của bạn::**

- **A** est infecté(e) par le VIH, le VHC, le VHB ou l'HTLV ?
bị nhiễm HIV, HCV, HBV hoặc HTLV? Oui / Non / Je ne sais pas
vâng / không / Tôi không biết
- **B** a utilisé, par voie injectable, des drogues ou des substances dopantes non prescrites par un médecin ?
sử dụng, bằng cách tiêm, thuốc hoặc chất pha tạp không theo chỉ định của bác sĩ? Oui / Non / Je ne sais pas
vâng / không / Tôi không biết
- **C** a eu un rapport sexuel en échange d'argent ou de drogue ?
quan hệ tình dục để đổi lấy tiền hoặc ma túy? Oui / Non / Je ne sais pas
vâng / không / Tôi không biết

En application des dispositions de la loi no 78-17 du 6 janvier 1978 relative à l'informatique, aux fichiers et aux libertés modifiée, nous vous informons que certaines des informations qui vous sont demandées notamment à l'occasion du questionnaire prédon et de l'entretien préalable au don feront l'objet d'un enregistrement informatique par l'Établissement français du sang ainsi que certaines informations vous concernant collectées à l'occasion du don de sang lui-même. Les résultats de qualification biologique du don feront l'objet d'un traitement informatique par l'Établissement français du sang. Ce traitement est destiné à permettre la gestion des donneurs et des receveurs de sang. Vous disposez d'un droit d'accès, et, en cas d'inexactitude, de rectification et de suppression. Pour exercer ces droits, il suffit de vous adresser au directeur de l'établissement de transfusion sanguine de la région dont dépend le site de collecte. Toutes les mesures nécessaires sont prises pour assurer la protection, la sécurité et la confidentialité des données personnelles concernant le donneur, fournies et collectées par nos services lors de l'entretien prédon et du don en ce compris des résultats de qualification biologique du don, afin d'empêcher la divulgation non autorisée des données traitées et notamment de l'identité du donneur, des informations relatives à sa santé et des résultats des examens pratiqués.

Căn cứ vào các quy định của Luật số 78-17 ngày 6 tháng 1 năm 1978 liên quan đến máy tính, tệp và quyền tự do, chúng tôi thông báo cho bạn rằng một số thông tin được yêu cầu cho bạn đặc biệt liên quan đến bảng câu hỏi và tiền tố cuộc phỏng vấn trước khi hiến sẽ là chủ đề đăng ký máy tính của Cơ quan Máu Pháp cũng như thông tin nhất định về bạn được thu thập nhân dịp hiến máu. Các kết quả kiểm định chất lượng sinh học của việc hiến tặng sẽ được xử lý bằng máy tính bởi Cơ quan Máu Pháp. Điều trị này nhằm cho phép quản lý người cho và người nhận máu. Bạn có quyền truy cập, và trong trường hợp không chính xác, cải chính và xóa. Để thực hiện các quyền này, chỉ cần liên hệ với giám đốc của cơ sở máu tại khu vực có địa điểm thu thập. Tất cả các biện pháp cần thiết được thực hiện để đảm bảo bảo vệ, bảo mật và bảo mật dữ liệu cá nhân của nhà tài trợ được cung cấp và thu thập bởi các dịch vụ của chúng tôi trong cuộc phỏng vấn trước khi quyên góp và quyên góp bao gồm kết quả kiểm định chất lượng sinh học của quyên góp, để ngăn chặn việc tiết lộ trái phép dữ liệu được xử lý, bao gồm cả danh tính của nhà tài trợ, thông tin sức khỏe và kết quả kiểm tra.